

DÂN TỘC KHƠ ME

TRONG CÔNG CUỘC BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG QUỐC GIA VIỆT NAM

BÙI MINH ĐẠO

Thời gian qua, dưới chiêu bài *Áp dụng giải pháp hoà bình và luật pháp quốc tế để tìm tự do, bình đẳng và quyền tự khẳng định cho dân tộc Khơ me Krôm*, tổ chức Liên bang Khơ me Campuchia Krôm (KKF)⁽¹⁾ đang mở chiến dịch tuyên truyền, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về đại đoàn kết dân tộc, nhằm kích động chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi của người Khơ me, chia rẽ đoàn kết Kinh - Khơ me. Đáng chú ý là Báo cáo của Sơn Tuôn⁽²⁾, cho rằng, trong lịch sử, người Khơ me Krôm chỉ hướng về Campuchia và trong những năm qua, họ đã phải chịu sự áp bức, ngược đãi của Chính phủ Việt Nam.

Nhân loại có lương tri và ít nhiều hiểu biết đều dễ nhận thấy những luận điệu trên là xuyên tạc và bóp méo sự thật. Cũng dễ thấy mục tiêu của những luận điệu trên không gì hơn là phục vụ âm mưu đen tối của tổ chức KKF nhằm chia rẽ đoàn kết dân tộc và gây rối an ninh chính trị ở Việt Nam thực hiện âm mưu của bọn phản động và đế quốc.

Trái với những gì KKF tuyên truyền, thực tiễn đã chứng minh, trong lịch sử, người Khơ me luôn kề vai sát cánh cùng cộng đồng các dân tộc Việt Nam xây dựng và bảo vệ đất nước. Đặc biệt, trong những thập niên qua, người Khơ me, với tư cách là một dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, luôn được thụ hưởng những chính sách dân tộc ưu đãi của Đảng và Nhà nước theo nguyên tắc đoàn kết, bình đẳng và cùng phát triển. Đó là nhân tố quan trọng dẫn đến sự phát triển không ngừng về

kinh tế, xã hội và văn hóa của người Khơ me trong mấy chục năm qua.

Để góp phần phản bác những luận điệu xuyên tạc sự thật của KKF, bài viết này giới thiệu một số tư liệu làm sáng tỏ sự đóng góp của người Khơ me đối với công cuộc bảo vệ tổ quốc Việt Nam trong lịch sử và kết quả của việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Chính phủ đối với người Khơ me trong những năm sau 1975.

1. Người Khơ me trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Vào những thập niên cuối của thế kỷ XIX, ở đồng bằng sông Cửu Long đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh chống lại chế độ hà khắc và chính sách đầu hàng thực dân Pháp của triều đình phong kiến nhà Nguyễn. Địa bàn diễn ra các cuộc đấu tranh gồm các tỉnh: Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Quân khởi nghĩa bao gồm người Kinh (Việt), Hoa và Khơ me, trong đó, người Khơ me là lực lượng quan trọng. Trong các cuộc khởi nghĩa này, đáng chú ý là cuộc khởi nghĩa kéo dài nhiều năm ở Trà Vinh, do Lâm Sâm và Wai Cui, những yếu nhân người Khơ me chỉ huy.

Từ khi có sự lãnh đạo của Đảng, người Khơ me luôn đoàn kết kề vai, sát cánh cùng các dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong kháng chiến chống Pháp, nhất là trong kháng chiến chống Mỹ, xuất hiện nhiều tổ chức cách mạng trong đồng bào Khơ me như: Ban Khơ me vận, Ban Sài vận, Mặt trận Sư sãi yêu nước, Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước, Bộ đội Isarác, Tiểu đoàn 512,... Nhiều chỉ huy quân sự địa phương ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long là người Khơ me như: Tỉnh đội trưởng Thạch Vinh (Trà Vinh), huyện đội

¹ Tổ chức Liên bang Khơ me Campuchia Krôm (KKF), trụ sở đặt tại Hoa Kỳ.

² Sơn Tuôn, chủ tịch KKF, Báo cáo gửi Liên hiệp quốc và Tổ chức các nước và dân tộc không có đại diện ngày 25/5/2003.

trưởng Út Tịch. Nhân vật Chị Út Tịch nổi tiếng trong kháng chiến chống Mỹ là hình ảnh tiêu biểu của dân tộc Khơ me trong lòng Việt Nam. Những huyện đội trưởng người dân tộc Khơ me ở các địa phương như: Vĩnh Châu (Sóc Trăng), Trà Cú (Trà Vinh), Tri Tôn (An Giang)... Nhiều chùa chiền và gia đình Khơ me trở thành cơ sở nuôi dưỡng và bảo vệ cán bộ cách mạng. Theo thống kê, số chùa chiền là cơ sở cách mạng ở Sóc Trăng là 39/90, Trà Vinh là 53/141, Cần Thơ là 6/27, Vĩnh Long là 6/13, Cà Mau là 6/6,... Hầu hết các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long đều có bà mẹ Việt Nam anh hùng là người Khơ me. Trong đó, ở Trà Vinh có 42 người, Sóc Trăng: 24 người, Vĩnh Long: 8 người, Kiên Giang: 7 người, Bạc Liêu: 3 người, Cà Mau: 3 người, Cần Thơ: 2 người... Nhiều nhà sư và trí thức Khơ me do tham gia cách mạng bị địch bắt tù đày ở Côn Đảo như: Hoà thượng Tăng Hồ, Lui Sa rat, các ông Sơn Phi, Thạch Chơi, Thạch Hoa. Nhiều nhà sư và trí thức dân tộc là người Khơ me đã anh dũng hy sinh cho sự nghiệp chống Mỹ cứu nước như: Hoà thượng Hữu Nhem, Thạch Thị Thanh, Neang Nghét, Danh Thị Tươi, Thạch Ngọc Biên, Kdam. Nhiều chiến sỹ cách mạng người Khơ me được phong tặng danh hiệu anh hùng như: Kiên Thị Nhẫn, Lâm Sắc, Sơn Ton, Lâm Trương, Châu Pút,... Nhiều vị sư đã giữ cương vị cao trong mặt trận Giải phóng dân tộc (GPDT) như: hoà Thượng Sơn Vọng (nguyên Phó chủ tịch Ủy ban Trung ương mặt trận Dân tộc giải phóng miền nam Việt Nam (DTGPMNVN), nguyên phó chủ tịch Ủy ban bảo vệ hoà bình thế giới của mặt trận DTGPMNVN, nguyên cố vấn Ủy ban mặt trận DTGP miền tây Nam Bộ); hoà thượng Hữu Nhem (nguyên phó chủ tịch Ủy ban trung ương mặt trận DTGPMNVN); hoà thượng Thạch Som (nguyên Hội trưởng Hội đồng Sư sãi yêu nước khu vực Tây Nam Bộ); hoà thượng Lui Sa Rat (nguyên chủ tịch mặt trận DTGP tỉnh Trà Vinh). Nhiều người con ưu tú của dân tộc Khơ me được Đảng giác ngộ và dìu dắt, đã tích cực tham gia Cách mạng, trở thành Đảng viên và nắm giữ các chức vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước

như: ông Sơn Thông (nguyên Khu uỷ viên khu Tây Nam Bộ); ông Lâm Phái (nguyên Phó Trưởng ban Dân tộc Trung ương); ông Trịnh Thới Cang (nguyên Khu uỷ viên khu Tây Nam Bộ); ông Thạch Sèn (nguyên phó bí thư tỉnh uỷ Sóc Trăng); ông Lâm Sang (nguyên Hội trưởng Hội Isarác tỉnh Minh Hải, nguyên Tỉnh uỷ viên tỉnh Sóc Trăng); ông Huỳnh Cương (nguyên Uỷ viên Uỷ ban TWMTDTGPMNVN, nguyên Cố vấn Chính phủ Cách mạng lâm thời CHMNVN, nguyên Chủ tịch Mặt trận khu Tây Nam Bộ, nguyên Phó chủ tịch Quốc hội nước CHXHCNVN, nguyên Uỷ viên BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá VII); ông Trần On (nguyên Trung tá Quân đội NDVN từ thời chống Pháp); ông Thạch Đông (nguyên Tỉnh uỷ viên tỉnh Kiên Giang)... Một số xã của người Khơ me được phong danh hiệu xã anh hùng như các xã Mỹ Đức, Phú Mỹ của huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang...

2. Chính sách dân tộc và kết quả của việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Chính phủ đối với người Khơ me

Sau giải phóng miền Nam (1975) đến nay, người Khơ me cũng như các dân tộc thiểu số khác, được hưởng các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Trước hết, đó là chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và cùng phát triển. Những chính sách đó thể hiện rõ qua các văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VI, VII, VIII, IX, X và các chỉ thị, Nghị quyết của Bộ chính trị; Nghị định, Quyết định của Chính phủ³).

Không chỉ có các chủ trương chính sách chung, do đặc thù về nguồn gốc lịch sử và trình độ phát

³ Nghị Quyết 22 của Bộ Chính trị ngày 27/11/1989 về một số chính sách lớn phát triển kinh tế-xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

- Nghị Quyết 5 của Ban bí thư Trung ương Đảng năm 1998 về giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá truyền thống của các dân tộc Việt Nam;

- Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 năm 2003 về các vấn đề đại đoàn kết toàn dân, dân tộc, tôn giáo và đất đai trong tình hình mới,...

triển kinh tế - xã hội, Đảng và Chính phủ còn ban hành những chủ trương, chính sách riêng nhằm phát triển dân tộc Khơ me, trong đó, đáng chú ý là: 1. Chỉ thị số 117-CT/TU ngày 29/9/1981 (sau đây gọi tắt là chỉ thị 117) về công tác đối với đồng bào Khơ me; 2. Chỉ thị số 68-CT/TW của Ban bí thư ngày 18/4/1991 (Chỉ thị 68/TW) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khơ me và 3. Chỉ thị số 122-CT ngày 12/5/1982 của Thủ tướng Chính phủ (Chỉ thị 122-CT) về công tác đối với đồng bào Khơ me.

Nội dung chính của Chỉ thị 68/TW là nhằm phát triển toàn diện kinh tế, xã hội, văn hoá ở vùng đồng bào Khơ me. Về kinh tế-xã hội, chú ý bố trí lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý; phát triển nông nghiệp toàn diện, kết hợp với phát triển ngành nghề truyền thống; xây dựng cơ sở hạ tầng, giải quyết hợp lý vấn đề đất đai, khắc phục tình trạng thiếu đất canh tác; cứu trợ đối với những đối tượng gặp khó khăn, mất mùa. Về văn hoá, xã hội, phát triển ngành học phổ thông đi đôi với củng cố các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường thanh niên dân tộc ở các huyện, tỉnh có đồng bào Khơ me; mở trường đào tạo cán bộ người Khơ me và trường đào tạo giáo viên người Khơ me, kể cả sư sãi có khả năng để dạy song ngữ ở các cấp Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông; học sinh người Khơ me được miễn học phí ở các cấp học; bảo tồn, khai thác và phát huy vốn văn hoá dân tộc Khơ me; xây dựng nhà truyền thống và một số trung tâm văn hoá tiêu biểu của người Khơ me; có chính sách củng cố và duy trì các đội văn nghệ dân tộc Khơ me; sử dụng tốt tiếng nói, chữ viết dân tộc Khơ me trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương; đài truyền hình và phát thanh của các tỉnh đồng bào Khơ me cần tăng thêm thời gian phát sóng bằng tiếng Khơ me; đẩy mạnh khám chữa bệnh và vệ sinh phòng bệnh, miễn phí khám chữa bệnh cho người Khơ me nghèo,... Đối với chùa chiền và sư sãi Khơ me, thực hiện tốt chính sách tôn giáo của Đảng; tôn trọng tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng của người Khơ me; phát huy truyền thống yêu nước của sư sãi và Phật

tử góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc; nghiên cứu mở trường Pa li cấp cao khi có điều kiện để dạy giáo lý cho sư sãi; tôn trọng, bảo vệ và phát huy di sản văn hoá chùa chiền Khơ me kết hợp với nội dung văn hoá mới,...

Nội dung của Chỉ thị 122-CT nhằm triển khai Chỉ thị số 117-CT/TU, trong đó, yêu cầu các bộ, ngành có liên quan ở Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh (có đồng bào Khơ me cư trú) thực hiện một số công tác cấp thiết nhằm ổn định tình hình ở vùng đồng bào Khơ me, bao gồm: 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất của người dân, cấp đất cho các chùa chiền, khôi phục ngành nghề truyền thống, hỗ trợ nhà ở cho các hộ chưa có nhà ở; 2. Khôi phục lại chương trình phát thanh bằng tiếng Khơ me; củng cố lại hệ thống trường lớp, đào tạo giáo viên người Khơ me; tổ chức cho học sinh Khơ me tốt nghiệp THCS vào thẳng PTTH không qua thi chuyển cấp; đẩy mạnh phong trào bỏ tục văn hoá để xoá nạn mù chữ; 3. Vận động người dân chống âm mưu gây chia rẽ dân tộc của địch; thi hành luật nghĩa vụ quân sự; đối xử tốt với những người trước kia chạy ra nước ngoài nay quay trở về; 4. Khẩn trương đào tạo cán bộ người Khơ me ở các ngành, các cấp, trước mắt là ở cơ sở; 5. Tổ chức cho cán bộ, người dân và lực lượng vũ trang ở các tỉnh có đồng bào Khơ me học tập chính sách dân tộc của Đảng.

Dưới đây là một số kết quả thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Chính phủ ở vùng người Khơ me.

Nhận rõ tầm quan trọng của vùng người Khơ me, một Cơ quan đại diện đặc trách công tác Khơ me Nam Bộ, thuộc Ủy ban Dân tộc và Miền núi, nay là Ủy ban Dân tộc, được thành lập đặt tại thành phố Hồ Chí Minh để trực tiếp triển khai việc thực hiện chính sách dân tộc cho đối tượng này. Trừ khoá II và III, các khoá Quốc hội từ khoá I đến khoá IX đều có đại biểu đại diện cho dân tộc Khơ me. Cụ thể, có tổng số 29 người Khơ me là đại biểu

trong 9 khoá Quốc hội, trong đó, khoá I, IV, V mỗi khoá có 1 đại biểu; khoá VI: 5 đại biểu, khoá VII: 6 đại biểu, khoá VIII: 4 đại biểu và khoá IX: 6 đại biểu⁴). Sau chỉ thị 68/TW, Chính phủ đã triển khai hàng loạt chương trình, dự án nhằm phát triển kinh tế xã hội cho vùng đồng bào Khơ me như Chương trình thực hiện nguồn vốn hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn ở khu vực Nam Bộ (1991-1995), Chương trình quốc gia xoá đói giảm nghèo 133, Chương trình phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn 135,... Sau 5 năm thực hiện nguồn vốn hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn ở khu vực Nam Bộ (1991-1995), tổng số được đầu tư cho vùng đồng bào Khơ me là 46,63 tỷ đồng, trong đó, cho đồng bào Khơ me ở các tỉnh: Sóc Trăng 10 tỷ đồng, Trà Vinh 10 tỷ đồng, Kiên Giang 7,1 tỷ đồng, An Giang 9,6 tỷ đồng, Minh Hải 5,5 tỷ đồng, Vĩnh Long 1,2 tỷ đồng, Cần Thơ 1,8 tỷ đồng, Tây Ninh 1,0 tỷ đồng. Nguồn vốn được đầu tư theo hai thời kỳ: từ 1991 đến 1993, chủ yếu đầu tư cho cơ sở vật chất hạ tầng như cầu, đường, thủy lợi, trường học, trạm xá, giếng nước,...; từ 1994 đến 1995, chủ yếu đầu tư hỗ trợ sản xuất cho các hộ nghèo đặc biệt khó khăn bằng các hình thức cho vay vốn lãi suất thấp hoặc không lãi, hỗ trợ đời sống không hoàn lại,... Về xây dựng cơ sở hạ tầng, tổng số vốn đầu tư là 22,5 tỷ, trong đó, xây dựng 73 kênh, mương thủy lợi, làm 34 cầu giao thông, khoan 1.464 giếng nước và 02 hồ chứa nước; xây dựng 174 trường học kiên cố kèm theo 962 bộ bàn ghế; xây mới 8 trạm và 1 trung tâm y tế. Về hỗ trợ sản xuất cho các hộ nghèo đặc biệt khó khăn, tổng số vốn đầu tư là 12,1 tỷ đồng, trong đó, cho vay vốn sản xuất với lãi suất thấp là 8,78 tỷ đồng; cho vay vốn sản xuất không tính lãi là 3,4 tỷ đồng. Về hỗ trợ đời sống không

hoàn lại, tổng số vốn đầu tư là 0,2 tỷ đồng. Toàn bộ số vốn này kết hợp với các nguồn vốn địa phương đã góp phần đáng kể vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng và nâng cao đời sống cho người Khơ me. Các công trình thủy lợi, cống, hồ chứa nước và đập đập đã chuyển 200.000 ha ruộng lúa từ một vụ lên 2 vụ/năm, có nơi thêm một vụ màu, đồng thời, nâng cao năng suất lúa từ bình quân 3 tấn/ha/vụ lên 3,5 tấn/ha/vụ, cá biệt nhiều nơi đạt 4-5 tấn/ha/vụ. Các cầu cống và đường giao thông mới đã phục vụ việc đi lại sinh hoạt cho người dân hàng chục xã, liên xã, ấp, liên ấp. Số lượng giếng và hồ chứa nước đã góp phần đáng kể vào việc cung cấp nước sạch và nước sản xuất cho người Khơ me ở nhiều vùng vốn xưa nay không có hoặc thiếu nước sinh hoạt, nước sản xuất. Số trường lớp được xây dựng mới đã làm tăng số học sinh Khơ me lên 7.000 học sinh/năm. Đã có 17.524 hộ nghèo đói được vay vốn sản xuất lãi suất thấp hoặc không tính lãi chuộc lại đất canh tác, phát triển sản xuất; kết quả 10% số hộ sản xuất có lãi, 50% số hộ giải quyết một phần nghèo đói. Trong năm 1993, tỉnh Sóc Trăng đã chi hỗ trợ không hoàn lại cho 7 chùa Khơ me, mỗi chùa 1 máy kéo với số tiền 750 triệu đồng và trong năm 1994, tỉnh An Giang đã chi hỗ trợ cày, bừa, trực lúa cho 1.089 hộ Khơ me nghèo với kinh phí 509.700.000 đồng. Trong 5 năm, khoảng 2.900 hộ nghèo đói ở mức đặc biệt khó khăn được hỗ trợ đã thoát được tình trạng đói nghèo triền miên. Năm 1996, Cơ quan đại diện đặc trách công tác Khơ me Nam Bộ đã tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện chỉ thị 68/TW ở vùng người Khơ me. Kết quả cho thấy: Về mặt kinh tế, đời sống, nhờ xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng phát triển, các trạm bơm điện ở Sóc Trăng, đào kênh thủy lợi ở An Giang, ngọt hoá thủy lợi ở Đông Tâm Phương, Trà Vinh,... mà vấn đề nước sản xuất đã được giải quyết đáng kể. Nhờ vậy, mở rộng được diện tích sản xuất nông nghiệp theo

⁴ Chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước về dân tộc. Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc. Hà Nội. 2000. Tr 1165

hướng thâm canh và tăng vụ; chuyển dịch được cơ cấu kinh tế theo hướng mở rộng ngành nghề, không chỉ trồng trọt, chăn nuôi mà còn các nghề thủ công truyền thống và các dịch vụ khác, không chỉ trồng trọt nông sản mà còn nuôi trồng thủy sản với diện tích lên hàng trăm ngàn ha, tổ chức giãn dân ở những nơi có điều kiện, đời sống người dân được nâng cao hơn hẳn so với trước đó, số hộ giàu tăng lên, tình trạng đói giáp hạt kinh niên được hạn chế, một số mô hình sản xuất tiên tiến xuất hiện và lan rộng. Về giáo dục, học sinh các cấp tăng hơn hẳn các năm trước (năm học 1991-1992 có 117.200 học sinh, năm 1993-1994 có 141.700 học sinh), đội ngũ thầy cô giáo người Khơ me cũng tăng lên không ngừng (năm 1991-1992 có 2.786 người, năm 1993-1994 có 4.471 người), việc dạy học song ngữ, việc biên soạn sách giáo khoa và dạy chữ Khơ me trong các trường được chú ý và ngày càng ổn định. Đặc biệt, các trường dân tộc nội trú dành cho con em người Khơ me ở 07 tỉnh lần lượt được xây dựng, hai trường dự bị dân tộc tại TP. Hồ Chí Minh và Cần Thơ cũng được thành lập và đi vào hoạt động, thu hút ngày càng nhiều con em đồng bào Khơ me. Nhiều tỉnh thực hiện chính sách miễn giảm học phí cho con em người Khơ me và ưu tiên cấp học bổng cho học sinh giỏi người Khơ me. Về duy trì và bảo vệ văn hoá truyền thống, các nhà bảo tàng, nhà văn hoá dân tộc của người Khơ me được xây dựng như ở Sóc Trăng, Trà Vinh; các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp của người Khơ me ở Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang được đầu tư, nâng cấp. Các đoàn nghệ thuật không chuyên được nâng đỡ bằng các chương trình hội diễn cấp tỉnh, cấp vùng hàng năm hoặc vài năm; các lễ hội truyền thống theo Phật lịch hay theo Khơ me lịch được động viên duy trì; các hình thức thông tin đại chúng bằng tiếng Khơ me được chú ý. Đến nay, phần lớn các chùa Khơ me đều có truyền hình, trong đó, người dân được nghe các chương

trình bằng tiếng Khơ me. Hai tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh đã xuất bản báo và tạp chí bằng tiếng Khơ me. Về y tế, phần lớn các xã vùng đồng bào Khơ me đều có trạm y tế, các tỉnh đều mở lớp đào tạo đội ngũ cán bộ y tế người Khơ me, việc tiêm chủng mở rộng cho trẻ em được phổ cập toàn vùng, công tác DS-KHHGD được chú ý, nhất là ở Trà Vinh và Kiên Giang, nơi hạ tỷ lệ sinh đẻ từ 3,6% năm 1990 xuống còn 2,19% năm 1994. Tiếp theo Chương trình thực hiện nguồn vốn hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn ở khu vực Nam Bộ và 5 năm thực hiện Chỉ thị 68 TW (1991-1995), từ năm 1996 đến nay, Chính phủ tiếp tục thực hiện các chương trình phát triển kinh tế xã hội, xoá đói, giảm nghèo cho vùng đồng bào Khơ me, trọng tâm là các chương trình hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn, chương trình 133, 135. Năm 1996, nguồn vốn cấp để đầu tư cho vùng người Khơ me đồng bằng Nam Bộ là gần 12 tỷ đồng, trong đó, vốn hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn là 7,1 tỷ đồng, vốn các chương trình 133, 135 là 2,2 tỷ đồng, vốn phòng chống và kiểm soát ma tuý 2,5 tỷ đồng. Năm 1997, tổng ngân sách đầu tư cho người Khơ me đồng bằng Nam Bộ là trên 11 tỷ đồng, trong đó, nguồn vốn hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn cho 11 tỉnh đồng bằng Nam Bộ là 6,4 tỷ đồng, vốn chương trình kiểm soát ma tuý là 1,67 tỷ đồng, vốn trợ cước, trợ giá là 3,3 tỷ đồng. Kết quả thực hiện chính sách dân tộc ở vùng người Khơ me năm 1997 là khả quan và rõ nét: Bước đầu giải quyết khiếu kiện liên quan đến đất đai và cấp đất canh tác cho các hộ thiếu đất canh tác. Cơ sở vật chất hạ tầng tiếp tục được xây dựng như ở Trà Vinh lấp đặt được 33 giếng nước bơm tay phục vụ 161 hộ, 27 trên 44 xã người Khơ me có điện lưới quốc gia; ở Cà Mau có thêm 325 hộ có nước sạch, 226 hộ sử dụng điện,... Số lượng học sinh dân tộc Khơ me tăng nhanh: tại Sóc Trăng, học sinh các cấp năm 1996-1997 là 64.325 em, tăng 7.826 em so với năm

1995-1996, trong đó có 39.664 em học song ngữ, riêng trường Dân tộc nội trú các tỉnh dành cho con em người Khơ me ngày càng đi vào nề nếp và tăng sĩ số như các trường DTNT Kiên Giang có 661 em, Trà Vinh có 478 em, Đồng Nai có 634 em, An Giang có 735 em, Bạc Liêu có 256 em, Sóc Trăng có 276 em,... Một số huyện của các tỉnh được Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng trường DTNT huyện như tỉnh Kiên Giang được đầu tư 2,5 tỷ đồng để xây dựng các trường Hà Tiên, Giồng Riềng, Gò Quao,... Các ngày lễ lớn của người Khơ me như *Đôn ta, Oc om boc, Chol chnăm thmây* được chú ý khuyến khích duy trì hàng năm. Năm 1997, nhà bảo tàng văn hoá tỉnh Trà Vinh đã được khánh thành và đi vào hoạt động; hội đua bò được tổ chức ở An Giang, hội đua ghe ngo được tổ chức ở Kiên Giang,... Công tác tôn giáo được quan tâm theo nguyên tắc tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn trọng Phật đạo, tạo điều kiện để nhà chùa và sư sãi tiến hành các lễ hội và sinh hoạt theo Phật lịch trong chùa; tổ chức các lớp học Phật lý Pa li, Vi ni. Các tranh chấp liên quan đến đất đai của các chùa được xem xét giải quyết,... Tùy theo tình hình thực tiễn mà từng tỉnh triển khai các dự án phát triển kinh tế xã hội cho các vùng đồng bào Khơ me đặc biệt khó khăn. Chẳng hạn, *dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội người Khơ me tỉnh Minh Hải* năm 1993 do Ban chỉ đạo phát triển kinh tế xã hội dân tộc Khơ me tỉnh Minh Hải cũ triển khai, với số vốn đầu tư khoảng 5,6 tỷ đồng, dự án *Xây dựng mô hình sản*

xuất nhằm góp phần giải quyết khó khăn cho vùng đồng bào Khơ me-Chăm tại khu vực Bảy Núi- An Giang do Trung tâm Hỗ trợ nghiên cứu và chuyển giao công nghệ dân tộc - miền núi (thuộc Công ty hỗ trợ phát triển dân tộc - miền núi) thực hiện,...

3. Kết luận.

Từ khi ra đời, Đảng ta luôn coi người Khơ me là một dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Bên cạnh việc động viên người Khơ me tham gia vào công cuộc bảo vệ tổ quốc trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Từ năm 1975 đến nay, Đảng và Chính phủ ta luôn coi trọng việc đề ra và thực hiện chính sách dân tộc nhằm phát triển kinh tế, xã hội ở vùng người Khơ me. Những kết quả đạt được của việc thực hiện chính sách dân tộc trong những năm qua là đáng kể và không thể phủ nhận. Nó đã góp phần làm thay đổi theo hướng đi lên và phát triển vượt bậc so với trước đây của bộ mặt kinh tế, xã hội vùng Khơ me.

Do những đặc thù về trình độ phát triển kinh tế, xã hội tự thân, cũng như do quy luật phát triển không đồng đều, cho đến nay, đời sống của người Khơ me đồng bằng sông Cửu Long còn những khó khăn. Nhiều mâu thuẫn đã và đang tồn tại như thiếu đất sản xuất, nghèo đói, tôn giáo, quan hệ dân tộc,... Để giải lý và khắc phục những vấn đề này, đòi hỏi cần có thời gian, có sự đồng lòng nhất trí và quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, trong đó, quan trọng và then chốt là nội lực của chính cộng đồng người Khơ me đồng bằng sông Cửu Long.